TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 01 - 2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Lý Viết Chấn, bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2010 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, tính tình không hợp nên hay xảy ra cãi nhau. Anh D ham chơi, cá độ bóng đá không chăm lo cho gia đình. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hòa giải và tìm tiếng nói chung nhưng cuộc sống vợ chồng không tiến triển, đời sống chung không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chúng tôi chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn D quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai. Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T, cụ thể: Anh Nguyễn Văn D đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Qua biên bản xác minh ngày 30/11/2020 về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn D thì Chính quyền địa phương cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh D bắt nguồn từ việc chị T không thể sinh con và anh D thì ham chơi không chăm lo gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Chị T và anh D chưa có con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn D cố tình vắng mặt. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T, bị đơn anh Nguyễn Văn D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T với anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K vào ngày 29 tháng 10 năm 2010. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng chị T trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh D ham chơi, cá độ bóng đá nên không lo làm ăn chăm sóc gia đình. Ngoài ra, việc hai vợ chồng lấy nhau đã lâu nhưng không có con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên chị T trở lại đoàn tụ với anh D nhưng không thành, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh D. Mặc khác, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh D có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn với chị T, không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh D chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0016066 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam